

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH BẾN TRE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 22/2024/HN-ST
Ngày: 27/3/2024
V/v “Yêu cầu ly hôn, nuôi
con chung”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B – TỈNH BẾN TRE

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:** Ông Nguyễn Chí Vũ.

- **Các Hội thẩm nhân dân:** 1. Bà Nguyễn Thị Kim Thanh.

2. Bà Huỳnh Thị Bích Vân.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Mai Thành Long – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:** Bà Lê Thị Kim Tiến – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 3 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 57/2024/TLST-HNGĐ ngày 22/02/2024 về việc “Yêu cầu ly hôn, nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 31/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Võ Thị Xuân G, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Số B ấp H, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- **Bị đơn:** Anh Đoàn Quốc T, sinh năm 1987 (có mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện đề ngày 29/01/2024, biên bản hòa giải ngày 11/3/2024 và tại phiên tòa sơ thẩm, chị Võ Thị Xuân G trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Đoàn Quốc T cưới nhau năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A (huyện B, tỉnh Bến Tre) vào ngày 25/4/2011, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi cưới, vợ chồng chị sống hạnh phúc đến năm 2023 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng trong cuộc sống, anh T không tự quyết định được vấn đề của vợ chồng mà nghe lời mẹ nên thường xuyên cãi nhau nhưng chị cũng cố gắng hàn gắn để vợ chồng không phải sống ly thân. Tuy nhiên, từ ngày 23 tháng 12 năm 2023 âm lịch, vì anh T cũng

không thay đổi được tính tình nên chị về nhà cha mẹ ruột ở rồi sống ly thân đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng chị cũng không có tới lui để hàn gắn nhưng mẹ anh T có lên gặp mẹ ruột của chị để nói chuyện hàn gắn cho vợ chồng chị nhưng cũng không được. Từ ngày được Tòa án hòa giải thì anh T cũng có lên năn nỉ chị để hàn gắn cùng nuôi con nhưng chị không đồng ý. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn với anh T, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu ly hôn với anh Đoàn Quốc T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Đoàn Tuấn A, sinh ngày 18/11/2010 hiện nay đang sống với chị. Nay ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi cháu Tuấn A và tự nguyện không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

** Tại biên bản lấy lời khai ngày 11/3/2024, biên bản hòa giải ngày 11/3/2024 và tại phiên tòa sơ thẩm, anh Đoàn Quốc T trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị Võ Thị Xuân G cưới nhau được 13 năm, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, nhưng anh không nhớ ngày tháng năm đăng ký, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Sau khi cưới, vợ chồng anh sống hạnh phúc bình thường chứ cũng không xảy ra mâu thuẫn. Từ ngày 23 tháng 12 năm 2023 âm lịch, không hiểu vì lý do gì mà chị G về nhà cha mẹ ruột sinh sống cho đến nay. Từ ngày ly thân, anh cũng có nói mẹ ruột anh lên gặp mẹ vợ để hàn gắn tình cảm cho anh với chị G nhưng vẫn không được. Đồng thời, khi Tòa án hòa giải xong thì anh cũng có lên năn nỉ chị G để vợ chồng tạo cơ hội hàn gắn nhưng chị G không đồng ý trở lại hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tuy nhiên, hiện nay anh vẫn còn thương vợ con nên anh không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh thống nhất là anh và chị G có 01 con chung là cháu Đoàn Tuấn A, sinh ngày 18/11/2010 hiện nay đang sống với chị G. Nếu trường hợp Tòa án cho ly hôn, anh cũng đồng ý để cháu Tuấn A cho chị Giao tiếp t nuôi dưỡng nhưng anh không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con. Nếu chị G không nuôi thì anh yêu cầu trực tiếp nuôi cháu Tuấn A và cũng tự nguyện không yêu cầu chị G cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:*

- Về thủ tục tố tụng: Xét thấy trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng đúng quy định tại Điều 48 Bộ luật tố tụng dân sự. Thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện đúng quyền, nghĩa vụ quy định tại Điều 70, 71, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, vụ án đưa ra xét xử đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Áp dụng các Điều 9, 51, 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Võ

Thị Xuân G đối với anh Đoàn Quốc T. Về con chung: Để cháu Đoàn Tuấn A, sinh ngày 18/11/2010 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng và ghi nhận sự nguyện của chị G không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu toàn bộ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra công khai các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Võ Thị Xuân G và anh Đoàn Quốc T là hợp pháp. Sau khi kết hôn, chị G và anh T sống hạnh phúc đến năm 2023 thì thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T không tự quyết định được vấn đề của vợ chồng mà nghe lời mẹ ruột làm cho vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Vì không chịu được tính của anh T nên từ ngày 23 tháng 12 năm 2023 âm lịch, chị đã về nhà cha mẹ ruột ở rồi sống ly thân đến nay. Trong thời gian sống ly thân, vợ chồng chị cũng không có tới lui để hàn gắn nhưng có mẹ ruột anh T lên gặp mẹ ruột của chị để tác động tạo điều kiện cho anh chị hàn gắn nhưng chị không đồng ý. Anh T muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh không đưa ra được biện pháp để vợ chồng khi trở lại sống không còn mâu thuẫn nữa. Đồng thời trong suốt quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, chị G luôn xác định tình cảm vợ chồng không còn với anh T và giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn. Qua đó, xét thấy mâu thuẫn giữa chị G và anh T là trầm trọng, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị G đối với anh T là có cơ sở, phù hợp với quy định tại các điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Cháu Đoàn Tuấn A, sinh ngày 18/11/2010; Hội đồng xét xử xét thấy từ khi chị G và anh T sống ly thân, cháu Tuấn A vẫn do chị G trực tiếp nuôi dưỡng. Mặt khác, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, chị G đều yêu cầu tiếp tục trực tiếp nuôi cháu Tuấn A. Đồng thời, tại biên bản lấy ý kiến ngày 11/3/2023 của Tòa án, cháu Tuấn A cũng có nguyện vọng sống với mẹ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần để cháu Tuấn A cho chị G tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình. Chị G không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là sự tự nguyện và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[3] Về tài sản chung: Không có.

[4] Về nợ chung: Không có.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), chị Võ Thị Xuân G có nghĩa vụ nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 9, 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị Xuân G đối với anh Đoàn Quốc T.

2. Về con chung: Chị Võ Thị Xuân G có quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Đoàn Tuấn A, sinh ngày 18/11/2010 (tại biên bản lấy ý kiến ngày 11/3/2024 của Tòa án, cháu Tuấn A có nguyện vọng sống với mẹ). Ghi nhận sự tự nguyện của chị G không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh Đoàn Quốc T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở. Khi có nhu cầu, vì lợi ích của con, hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không có.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 300.000đ (ba trăm ngàn đồng), chị Võ Thị Xuân G có nghĩa vụ nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 0004052 ngày 29/01/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Bến Tre. Án phí, chị G đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Báo cho chị Võ Thị Xuân G, anh Đoàn Quốc T biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã A;
- Lưu hồ sơ.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Chí Vũ